

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 28/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng.

2. Ông Lục Viết Sang

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLST-DS, ngày 29/10/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 14/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 02/3/2022, giữa các đương sự:

Địa chỉ: TDP T, thị trấn N, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Bà Giáp Thi Thu H, sinh năm 1973

- Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Yên Thế, Bắc Giang.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: TDP T, thị trấn N, huyện Tân Yên, Bắc Giang. Do ông Đinh
Triệu L đại diện theo ủy quyền.

(ông L có mắt. Bà H, ông V, bà L đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Đinh Triệu L trình bày:

Ngày 26/11/2017, ông cho ông Đỗ Văn V và bà Giáp Thị Thu H đều sinh năm 1973 địa chỉ ở Bản Đ, xã T, huyện Yên Thế vay số tiền là 400.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng. Lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Hai bên lập Giấy biên nhận vay tiền do bà H viết nội dung và cùng ông V ký nhận là người vay tiền. Từ đó đến nay, mặc dù đã quá hạn trả nợ và ông đã đòi nhiều lần nhưng ông V bà H chưa trả cho ông được khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi, mặc dù thỏa thuận mức lãi 3%/tháng nhưng thực tế ông V bà H chỉ trả được 04 tháng tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của nhà nước. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông V bà H phải trả cho vợ chồng ông 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (sau khi trừ đi 04 tháng đã trả lãi) là từ ngày 27/3/2018 đến ngày 27/3/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 159.360.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi khoảng thời gian tiếp theo. Tại phiên tòa, ông L giữ nguyên yêu cầu và trình bày như trên.

** Tại bản tự khai, bị đơn là bà Giáp Thị Thu H trình bày:*

Tháng 7/2017, bà có ký giấy nhận nợ với ông Đinh Triệu L ở thị trấn N, huyện Tân Yên số tiền là 400.000.000 đồng. Sau khi vay thì khoảng vài tháng bà trả lãi 1 lần, tổng số tiền lãi đã trả khoảng 100.000.000 đồng. Khi trả lãi hai bên không lập văn bản. Trong 02 năm gần đây, do gia đình bà có công việc nên việc trả tiền lãi không đều và ông L không chấp nhận đã khởi kiện ra Tòa. Nay bà đề nghị ông L cho bà thời gian để bà làm thủ tục thế chấp vay tiền trả cho ông L số tiền gốc 400.000.000 đồng, còn bà xin ông L miễn cho tiền lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2022, bà H trình bày: Mức lãi suất thỏa thuận với ông L là 2.000 đồng/triệu/ngày (tức 6%/tháng), vài tháng bà trả lãi 1 lần, các lần trả lãi hai bên không lập văn bản giao nhận, không có người làm chứng. Tổng số lãi đã trả bà không nhớ cụ thể nhưng khoảng bằng với số tiền gốc đã vay, lần cuối cùng trả lãi là khoảng tháng 5 - 6/2021. Nay bà đề nghị ông L miễn tiền lãi cho bà.

** Tại bản tự khai, đồng bị đơn là ông Đỗ Văn V trình bày:*

Ông là chồng của bà H, vợ chồng ông có vay của ông Đinh Triệu L số tiền 400.000.000 đồng như nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 26/11/2017, ông và bà H đã ký nhận là người vay tiền. Vợ chồng ông đã thống nhất hoàn trả vợ chồng ông L số tiền đã vay nhưng do kinh tế gặp khó khăn nên chưa trả được, ông bà sẽ cố gắng trả nợ trong thời gian sớm nhất.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L ủy quyền cho*

ông L tham gia tố tụng, bà L không có ý kiến nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông L khởi kiện ông V, bà H yêu cầu trả tiền đã vay nên đây là quan hệ pháp luật về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông V bà H cùng cư trú tại huyện Yên Thế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bà H và ông V vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà L vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu đòi số tiền gốc: Theo sự thừa nhận của tất cả các đương sự, phù hợp với nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 26/11/2017 ông L cung cấp, Hội đồng xét xử xác định được: Vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Giáp Thị Thu H vay của ông Đinh Triệu L số tiền 400.000.000 đồng ngày 26/11/2017, mục đích vay làm ăn kinh tế, có thỏa thuận miệng về trả lãi, thời hạn vay là 01 tháng, hai bên lập giấy biên nhận vay tiền vào ngày 26/11/2017. Sau khi vay tiền, ông V bà H đã trả được một số tiền lãi còn tiền gốc chưa trả được đồng nào. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông V bà H không trả được nợ cho ông L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V bà H phải trả số nợ gốc là 400.000.000 đồng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông V và bà H phải trả cho ông L số tiền gốc 400.000.000 đồng.

- Về yêu cầu tính lãi: Mặc dù trong giấy biên nhận vay tiền không ghi về lãi suất nhưng hai bên đều thừa nhận cho vay có tính lãi. Theo ông L, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng thực tế chỉ thực hiện theo mức lãi suất cơ sở của ngân hàng và bà H mới trả lãi được 4 tháng, nay ông yêu cầu tính lãi sau khi trừ

đi 04 tháng đã trả lãi là từ ngày 27/3/2018 đến ngày 27/3/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 159.360.000đồng. Theo bà H thì lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày (tức 6%/tháng), vài tháng bà trả lãi 1 lần, các lần trả lãi hai bên không lập văn bản giao nhận, không có người làm chứng. Tổng số lãi đã trả bà không nhớ cụ thể nhưng khoảng bằng với số tiền gốc đã vay, lần cuối cùng trả lãi là khoảng tháng 5 - 6/2021. Nay bà đề nghị ông L miễn tiền lãi cho bà. HĐXX thấy việc bà H trình bày đã trả lãi cho ông L đến khoảng tháng 5 - 6/2021 với tổng số tiền bằng số tiền gốc 400.000.000đồng là không có căn cứ chứng minh, không có văn bản chứng cứ gì, không có ai làm chứng cho việc trả tiền của bà H, bản thân bà H cũng không nhớ được đã trả được bao nhiêu tiền lãi, khi thì bà trình bày đã trả được tổng tiền lãi khoảng 100.000.000đồng (ở bản tự khai), sau bà lại trình bày đã trả được số lãi bằng với tiền gốc khi Tòa án lấy lời khai. Ông L chỉ thừa nhận bà H đã trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ sở được 4 tháng. Do vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận ý kiến đã trả lãi bằng số tiền gốc của bà H mà chấp nhận sự tự thừa nhận của ông L, xác định bà H đã trả lãi cho ông L được 4 tháng. Nay ông L yêu cầu tính lãi từ ngày 27/3/2018 đến ngày 27/3/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng là $400.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 48\text{ tháng} = 159.360.000\text{đồng}$ (không yêu cầu tính lãi thời gian tiếp theo) là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự vì vụ án này thuộc trường hợp có thỏa thuận trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi của ông L, buộc bà H ông V phải trả cho ông L 159.360.000đồng tiền lãi.

Tổng cả gốc và lãi bà H ông V phải trả cho ông L là $400.000.000\text{đồng} + 159.360.000\text{đồng} = 559.360.000\text{đồng}$.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông L bà L. Bà H và ông V là vợ chồng, ông bà cùng đứng ra vay tiền nên ông bà phải liên đới trả nợ cho ông L bà L số tiền 559.360.000đồng theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông V bà H phải chịu án phí trên số tiền 559.360.000đồng là $20.000.000\text{đồng} + 4\%$ của số tiền vượt quá 400.000.000đồng ($159.360.000\text{đồng}$) = 26.374.000đồng. Ông L không phải chịu án phí, hoàn trả ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27; khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Triệu L đối với bà Giáp Thị Thu H và ông Đỗ Văn V.

Buộc bà Giáp Thị Thu H và ông Đỗ Văn V phải liên đới trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị L số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 159.360.000đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 559.360.000đồng (năm trăm năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Bà Giáp Thị Thu H và ông Đỗ Văn V phải chịu 26.374.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Đinh Triệu L số tiền 14.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008551 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Thế Đăng